TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH C

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 4 - 2018
"*Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con*".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Nguyễn Văn Sol

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018. Về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị O** - Sinh năm 1991 (Có mặt).
Địa chỉ, cư trú: ấp 10, xã Khánh Thuận, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** - Sinh năm 1980 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Trần Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2018 và tại phiên tòa chị Trần Thị O (nguyên đơn) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị O và anh B kết hôn năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Chị O cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là vợ chồng sống thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị O xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị O yêu cầu xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị O trình bày vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Trần Chí D, sinh ngày 07/4/2008, hiện con đang sống với anh Bằng. Khi ly hôn chị O yêu cầu giao con cho anh B nuôi dưỡng, chị O không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị O trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu và nợ trả: Chị O trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Phạm Văn B có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Trần Thị O khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn Bằng và yêu cầu giao con cho anh bằng nuôi dưỡng nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị O và anh Phạm Văn B xác lập quan hệ hôn nhân năm 2007 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị O và anh B không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ cùa chị O và anh B là vợ chồng.

Về nuôi con: Chị O trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trần Chí D, sinh ngày 07/4/2008, khi ly hôn chị O yêu cầu giao con cho anh B nuôi dưỡng, chị O không cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh B không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị O. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Phạm Trần Chí D hiện đang sống với anh B đã có cuộc sống ổn định về thể chất và tinh thần. Dó đó, yêu cầu của chị O về việc giao con cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đồng thời phù hợp với nguyện vọng được sống với anh B của cháu D thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2018

nên tiếp tục giao cháu D cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị O trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu, anh B không ý kiến gì nên không xem xét.

Về nợ trả và nợ trả: Chị O trình bày vợ chồng không có không nợ thu và cũng không nợ trả, anh B không ý kiến gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị O phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 243, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị O như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị O và anh Phạm Văn B là vợ chồng.

- Về con: Tiếp tục giao cháu Phạm Trần Chí D, sinh ngày 07/4/2008 cho anh Bằng chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị O không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị O phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), chị O có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004078 ngày 05/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị O đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh B được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã Trần Thới;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính